

Bản án số: 05/2025/DS-ST
Ngày 07 - 02 - 2025
“V/v tranh chấp về thừa kế tài sản”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đồng Ánh Đông.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan.

2. Ông Trần Văn Thảo.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Lê Minh Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 21/2024/TLST-DS ngày 26/3/2024, “Về việc tranh chấp về thừa kế tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2024/QĐXXST-DS ngày 23/12/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2025/QĐST-DS ngày 09/01/2025, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:**

1. Chị Lê Thị Cẩm L, sinh năm 1972; địa chỉ: Tổ D, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

2. Anh Lê Anh K, sinh năm 1978; địa chỉ: Tổ G, phường T, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

3. Chị Lê Thị L1, sinh năm 1982; địa chỉ: Tổ D, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

4. Anh Lê Hoàng S, sinh năm 1983; địa chỉ: Tổ A, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

5. Chị Lê Thị Cẩm T, sinh năm 1986; địa chỉ: Tổ A, phường T, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

*** Bị đơn:** Anh Lê Anh T1, sinh năm 1974; địa chỉ: Tổ A, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Chị Nguyễn Thị Cẩm G, sinh năm 1991; địa chỉ: Tổ G, phường T, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày: Cha mẹ chúng tôi là ông Lê Ngọc B (sinh năm 1945, chết năm 2012) và bà Trương Thị Cẩm V (sinh năm 1947, chết năm 2021) có 06 người con là Lê Thị Cẩm L, Lê Anh T1, Lê Anh K, Lê Thị L1, Lê Hoàng S và Lê Thị Cẩm T. Khi còn sống cha mẹ chúng tôi có tạo lập được tài sản gồm: Thửa đất số 67, tờ bản đồ số 13, diện tích 89,0m² tại Tổ G, phường T, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Sau khi cha chúng tôi chết, gia đình thống nhất giao toàn bộ thửa đất trên cho mẹ chúng tôi và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR 910806 do Ủy ban nhân dân thị xã A cấp ngày 27/5/2014 mang tên Trương Thị Cẩm V. Năm 2021, mẹ chúng tôi chết, anh chị em trong gia đình thống nhất giao tài sản trên cho anh Lê Anh K đang ở để thờ cúng cha mẹ, nhưng anh Lê Anh T1 không đồng ý đòi bán để chia. Vì anh Lê Anh T1 không đồng ý thỏa thuận phân chia di sản thừa kế theo nguyện vọng của anh chị em trong gia đình. Do đó, chúng tôi yêu cầu Tòa án giải quyết chia di sản thừa kế là thửa đất số 67, tờ bản đồ số 13, diện tích 89,0m² của mẹ tôi đã chết để lại cho các anh chị em chúng tôi theo quy định của pháp luật. Trên thửa đất có căn nhà do anh Lê Anh K xây dựng năm 2020.

* Bị đơn anh Lê Anh T1 trình bày: Anh Tuấn thống nhất với di sản thừa kế mà mẹ anh là bà Trương Thị Cẩm V đã chết để lại và những người được hưởng di sản thừa kế như các chị em đã trình bày. Anh T1 không thống nhất chia di sản thừa kế cho anh K, anh T1 đề nghị để lại làm nhà từ đường, còn trường hợp bán để chia thì anh không đồng ý theo giá đã được định giá.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Cẩm G trình bày: Chị G là vợ anh Lê Anh K, chị đồng ý với ý kiến của anh K và các chị em trong gia đình.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A tham gia phiên tòa phát quan điểm về việc giải quyết vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, cần chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của nguyên đơn. Hàng thừa kế thứ nhất của bà V gồm: Chị Lê Thị Cẩm L, anh Lê Anh T1, anh Lê Anh K, chị Lê Thị L1, anh Lê Hoàng S và chị Lê Thị Cẩm T. Di sản của bà V không để lại di chúc, nên những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất được hưởng thừa kế bằng nhau theo pháp luật. Di sản của bà Trương Thị Cẩm V là thửa đất số 67, tờ bản đồ số 13, diện tích 89,0m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR 910806 do Ủy ban nhân dân thị xã A cấp ngày 27/5/2014 tại Tổ G, phường T, thị xã A, tỉnh Gia Lai được chia làm 06 phần: $1.100.000.000 \text{ đồng} / 6 = 183.333.333 \text{ đồng}$. Giao cho anh K được sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất là căn nhà do anh K xây dựng năm 2020. Anh K có nghĩa vụ thanh toán lại phần giá trị cho những người thừa kế được chia. Về chi phí tố tụng và án phí trong vụ án, các đương sự phải chịu tương ứng với phần di sản được chia.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn là các con của bà Trương Thị Cẩm V (sinh năm 1947, chết năm 2021) khởi kiện vụ án dân sự yêu cầu chia di sản thừa kế của bà V để lại là quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 67, tờ bản đồ số 13, diện tích 89,0m² tại Tổ G, phường T, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Theo quy định tại khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì đây là vụ án tranh chấp về thừa kế tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai. Các nguyên đơn gồm: Lê Thị Cẩm L, Lê Thị L1 và Lê Hoàng S có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với chị L, chị L1 và anh S.

[2] Về di sản thừa kế: Các đương sự đều thừa nhận di sản của bà Trương Thị Cẩm V (chết năm 2021) để lại đến nay chưa chia gồm có: Thửa đất số 67, tờ bản đồ số 13, diện tích 89,0m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR 910806 do Ủy ban nhân dân thị xã A cấp ngày 27/5/2014 mang tên Trương Thị Cẩm V tại Tổ G, phường T, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Di sản không có để lại di chúc, do vậy các đương sự có yêu cầu phân chia di sản của bà V theo pháp luật là phù hợp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 650 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Về người thừa kế theo pháp luật: Bà Trương Thị Cẩm V (chết năm 2021) có 6 người con là: Lê Thị Cẩm L, Lê Anh T1, Lê Anh K, Lê Thị L1, Lê Hoàng S và Lê Thị Cẩm T. Cha, mẹ và chồng của bà V đã chết. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 651 của Bộ luật Dân sự năm 2015, thì hàng thừa kế thứ nhất của bà V gồm: Chị L, anh T1, anh K, chị L1, anh S và chị T. Di sản của bà V không để lại di chúc, nên những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất được hưởng thừa kế theo pháp luật.

[4] Theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản lập ngày 29/7/2024 thì hiện trạng nhà ở gắn liền với đất thuộc thửa đất số 67, tờ bản đồ số 13, tại số A N, Tổ G, phường T, thị xã A, tỉnh Gia Lai, cụ thể như sau: Phía Đông giáp đường N cách tim đường 8m, có kích thước 2,5m; phía Tây giáp đất ông Phan Thanh H, có kích thước 2m; phía Nam giáp đất ông Phan Thanh H, có kích thước 13,86m + 11,66m; phía Bắc giáp đường Y cách tim đường 8m, có kích thước 22.75m. Tổng diện tích: 87,5m². Căn nhà trên đất do anh K xây dựng năm 2020 nên không thuộc di sản của bà V. Tại phiên tòa, anh T1 cho rằng anh K xây dựng căn nhà còn tiền là do bà V đưa, nhưng không có căn cứ nên không chấp nhận ý kiến của anh T1. Theo kết quả định giá thì giá trị di sản cụ thể như sau:

Thửa đất số 67, tờ bản đồ số 13, diện tích 87,5m² đất ở, có giá trị là 1.100.000.000 đồng (*Một tỷ một trăm triệu đồng*).

[5] Về phân chia di sản thừa kế: Theo khoản 2 Điều 651 của Bộ luật Dân sự năm 2015, những người thừa kế cùng hàng được hưởng di sản bằng nhau. Do vậy, di sản của bà V chia làm 06 phần bằng nhau $1.100.000.000 \text{ đồng} / 6 = 183.333.333 \text{ đồng}$. Như vậy, phần tài sản mà mỗi người thừa kế được hưởng là: 183.333.333 đồng (*Một trăm tám mươi ba triệu ba trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng*).

[6] Đối với thửa đất mà các bên yêu cầu chia di sản thừa kế, xét thấy không thể chia theo hiện vật nên phải chia theo giá trị. Xét thấy, trên thửa đất có căn nhà do anh K xây dựng là tài sản riêng của anh K và hiện nay do anh K đang quản lý, sử dụng nên cần giao cho anh K được quyền sử dụng diện tích đất và căn nhà trên đất là phù hợp. Anh Lê Anh K phải thanh toán lại giá trị di sản mà những người thừa kế khác được hưởng như sau: Chị Lê Thị Cẩm L, anh Lê Anh T1, chị Lê Thị L1, anh Lê Hoàng S và chị Lê Thị Cẩm T, mỗi người số tiền 183.333.333 đồng.

[7] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 4.600.000 đồng. Theo quy định tại khoản 2 Điều 157 và khoản 2 Điều 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì những người thừa kế phải chịu chi phí tương ứng với phần giá trị tài sản mà họ được chia. Anh K đã nộp số tiền tạm ứng là 4.600.000 đồng, nên chị L, anh T1, chị L1, anh S và chị T, mỗi người phải thanh toán lại cho anh K số tiền 766.666 đồng.

[8] Về án phí: Theo quy định tại điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, thì những người thừa kế phải chịu án phí tương ứng với phần giá trị tài sản mà họ được chia. Như vậy, chị L, anh T1, anh K, chị L1, anh S và chị T, mỗi người phải chịu số tiền án phí là 9.166.666 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 157, 165, 227, 228, 266, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 609, 612, 613, 623, 650, 651 và Điều 660 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 137 và 236 của Luật Đất đai năm 2024; điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

2. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của nguyên đơn.

- Di sản của bà Trương Thị Cẩm V để lại gồm: Thửa đất số 67, tờ bản đồ số 13, diện tích 89,0m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR 910806 do Ủy ban nhân dân thị xã A cấp ngày 27/5/2014 mang tên Trương Thị Cẩm V tại Tổ G, phường T, thị xã A, tỉnh Gia Lai.

- Chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản của bà Trương Thị Cẩm V. Giá trị di sản là: 1.100.000.000 đồng (*Một tỷ một trăm triệu đồng*). Di sản của bà V chia làm 06 phần bằng nhau: 1.100.000.000 đồng/6 = 183.333.333 đồng, cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà V, gồm: Chị Lê Thị Cẩm L, anh Lê Anh T1, anh Lê Anh K, chị Lê Thị L1, anh Lê Hoàng S và chị Lê Thị Cẩm T.

- Giao cho anh Lê Anh K được quyền sử dụng diện tích đất và căn nhà trên đất ở tại Tổ G, phường T, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Có vị trí kích thước như sau: Phía Đông giáp đường N cách tim đường 8m, có kích thước 2,5m; phía Tây giáp đất ông Phan Thanh H, có kích thước 2m; phía Nam giáp đất ông Phan Thanh H, có kích thước 13,86m + 11,66m; phía Bắc giáp đường Y cách tim đường 8m, có kích thước 22.75m. Tổng diện tích: 87,5m² (có sơ đồ kèm theo). Anh Lê Anh K có quyền và nghĩa vụ liên hệ với cơ quan có thẩm quyền đăng ký, kê khai để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất theo quy định.

- Anh Lê Anh K phải thanh toán lại cho chị Lê Thị Cẩm L, anh Lê Anh T1, chị Lê Thị L1, anh Lê Hoàng S và chị Lê Thị Cẩm T, mỗi người số tiền 183.333.333 đồng (*Một trăm tám mươi ba triệu ba trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại các Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 4.600.000 đồng. Anh Lê Anh K đã nộp số tiền tạm ứng là 4.600.000 đồng, nên chị Lê Thị Cẩm L, anh Lê Anh T1, chị Lê Thị L1, anh Lê Hoàng S và chị Lê Thị Cẩm T, mỗi người phải thanh toán lại cho anh K số tiền 766.666 đồng (*Bảy trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi sáu đồng*).

4. Về án phí: Chị Lê Thị Cẩm L, anh Lê Anh K, chị Lê Thị L1, anh Lê Hoàng S và chị Lê Thị Cẩm T, mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 9.166.666 đồng (*Chín triệu một trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi sáu đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp của mỗi người là 5.800.000 đồng, theo các biên lai thu tiền số 0013027, 0013028, 0013029, 0013030, 0013031 ngày 26/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A, tỉnh Gia Lai. Chị L, anh K, chị L1, anh S và chị T, mỗi người còn phải nộp 3.366.666

đồng (*Ba triệu ba trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi sáu đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Anh Lê Anh T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 9.166.666 đồng (*Chín triệu một trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi sáu đồng*).

5. Trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày, kể từ ngày tuyên án (07/02/2025), các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Thời hạn trên đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai
- VKSND thị xã A;
- Chi cục THADS TX. A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn, VPTA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(*Đã ký*)
Đồng Ánh Đông